

STT	STT	Tên	Trạng thái đạt	Tiến độ chương trình đào tạo														Thời gian đã học
				[2025] Bảng điểm B số sàn														
				Đạo đức, VHGT, PCCC		Kỹ thuật lái xe		Cấu tạo sửa chữa		Pháp luật GTĐB						Mô phỏng		
Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	PL1 - Luật trật tự, ATGT		PL2 - Biển báo		PL3 - Xử lý THGT		Điểm	Trạng thái đạt					
						Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái					
1	63	BÙI TRẦN MINH	Đạt	10	Đạt	7.04	Đạt	10	Đạt	7.08	Đạt	7	Đạt	8.7	Đạt	8.93	Đạt	125:46:59
2	26	VŨ VĂN ĐỨC	Đạt	10	Đạt	7.51	Đạt	7.39	Đạt	7.56	Đạt	7.18	Đạt	9.22	Đạt	10	Đạt	122:58:28
3	72	LÊ THỊ THANH NGÂN	Đạt	7	Đạt	7.05	Đạt	7.06	Đạt	8	Đạt	8.2	Đạt	9.02	Đạt	8.45	Đạt	121:20:04
4	105	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Đạt	7.62	Đạt	7.81	Đạt	7.69	Đạt	7.52	Đạt	7.52	Đạt	8.06	Đạt	9.58	Đạt	117:33:41
5	116	NGUYỄN DUY VINH	Đạt	8.82	Đạt	7.61	Đạt	8.38	Đạt	7.06	Đạt	7.04	Đạt	7.2	Đạt	9.4	Đạt	115:35:49
6	114	NGUYỄN BÁ VIỆT	Đạt	8.55	Đạt	7.45	Đạt	8.08	Đạt	7.48	Đạt	7.07	Đạt	7.06	Đạt	7.48	Đạt	114:09:04
7	57	PHẠM VĂN LONG	Đạt	8.51	Đạt	7	Đạt	7.72	Đạt	7.58	Đạt	7.09	Đạt	7.11	Đạt	9.3	Đạt	113:41:42
8	14	NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	Đạt	7.82	Đạt	8.66	Đạt	7.31	Đạt	7.04	Đạt	7.02	Đạt	7.02	Đạt	8.5	Đạt	113:04:32
9	111	ĐỖ HOÀNG TÙNG	Đạt	7.59	Đạt	7.36	Đạt	8.89	Đạt	7.02	Đạt	7.02	Đạt	7.27	Đạt	7.9	Đạt	113:00:48
10	88	LÊ HỒNG SƠN	Đạt	8.2	Đạt	7.33	Đạt	8.36	Đạt	7.12	Đạt	7.02	Đạt	7.04	Đạt	7.13	Đạt	112:30:16
11	50	NGUYỄN NGỌC HUỖN	Đạt	8	Đạt	7.38	Đạt	7.06	Đạt	7.84	Đạt	7.01	Đạt	7.22	Đạt	8.2	Đạt	112:25:57
12	98	PHẠM THỊ THIẾT	Đạt	7.48	Đạt	7.45	Đạt	7.32	Đạt	7.71	Đạt	7.23	Đạt	7.27	Đạt	7.18	Đạt	112:16:39
13	7	PHẠM TUẤN ANH	Đạt	7.79	Đạt	7.48	Đạt	7.43	Đạt	7.02	Đạt	7.3	Đạt	7.12	Đạt	7.38	Đạt	111:24:00
14	47	PHAN VĂN HÙNG	Đạt	8.08	Đạt	7.18	Đạt	7.02	Đạt	7.05	Đạt	7.11	Đạt	7.13	Đạt	10	Đạt	111:01:49
15	79	LÊ ĐÌNH PHONG	Đạt	7.75	Đạt	7.75	Đạt	7.26	Đạt	7.03	Đạt	7.05	Đạt	7.09	Đạt	7.2	Đạt	110:25:14
16	85	NGUYỄN HOÀNG LONG QUÂN	Đạt	7.2	Đạt	7.01	Đạt	7.27	Đạt	7.13	Đạt	7	Đạt	7.82	Đạt	7.85	Đạt	110:20:12
17	35	NGUYỄN THỊ HẠNH	Đạt	7.13	Đạt	7.14	Đạt	7.13	Đạt	7.26	Đạt	7.03	Đạt	7.6	Đạt	8.85	Đạt	110:08:14
18	54	NGUYỄN VĂN LINH	Đạt	7.09	Đạt	7.06	Đạt	8.29	Đạt	7.1	Đạt	7.02	Đạt	7.08	Đạt	7.35	Đạt	109:42:13
19	5	PHẠM ĐỨC AN	Đạt	7.35	Đạt	7.24	Đạt	7.28	Đạt	7.3	Đạt	7.13	Đạt	7.05	Đạt	7.55	Đạt	109:40:14
20	11	NÔNG THỊ NGỌC ÁNH	Đạt	7.05	Đạt	7.44	Đạt	7.1	Đạt	7.29	Đạt	7.05	Đạt	7.36	Đạt	7.48	Đạt	109:35:40
21	90	NGUYỄN VĂN TẬP	Đạt	8.19	Đạt	7	Đạt	7.03	Đạt	7.06	Đạt	7.01	Đạt	7.11	Đạt	7.33	Đạt	109:25:11
22	53	CẦN VĂN LINH	Đạt	7.52	Đạt	7.11	Đạt	7.19	Đạt	7.03	Đạt	7.15	Đạt	7.02	Đạt	7.83	Đạt	109:03:16
23	45	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Đạt	7.16	Đạt	7	Đạt	7.11	Đạt	7.12	Đạt	7.11	Đạt	7.27	Đạt	8.78	Đạt	109:01:40
24	74	VŨ DUY NHẤT	Đạt	7.02	Đạt	7.14	Đạt	7.01	Đạt	7.68	Đạt	7.03	Đạt	7.06	Đạt	7.13	Đạt	108:44:39
25	23	NGUYỄN TRỌNG ĐỖ	Đạt	7.22	Đạt	7.25	Đạt	7.13	Đạt	7.11	Đạt	7.13	Đạt	7.1	Đạt	7.28	Đạt	108:43:18
26	102	NGUYỄN QUỐC TRIỆU	Đạt	7	Đạt	7.18	Đạt	7.94	Đạt	7.04	Đạt	7	Đạt	7.02	Đạt	7.13	Đạt	108:39:34
27	40	NGUYỄN TRẦN TRUNG HIẾU	Đạt	7.6	Đạt	7	Đạt	7.11	Đạt	7.06	Đạt	7.02	Đạt	7.03	Đạt	7.78	Đạt	108:24:15
28	29	PHẠM QUANG ĐỨNG	Đạt	7.33	Đạt	7.1	Đạt	7.03	Đạt	7.02	Đạt	7	Đạt	7.15	Đạt	7.23	Đạt	107:49:09
29	30	ĐÀO TUẤN DUY	Đạt	7.02	Đạt	7.48	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	107:34:42
30	84	ĐINH HỒNG QUÂN	Đạt	7.09	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.03	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7.45	Đạt	106:52:52
31	107	VŨ MẠNH TỬ	Đạt	7.04	Đạt	7.08	Đạt	7.01	Đạt	7.02	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.03	Đạt	106:44:04
32	110	NGUYỄN TIẾN TUẤN	Chưa đạt	9.27	Đạt	9.99	Đạt	7.56	Đạt	7.71	Đạt	6.06	Chưa đạt	7.79	Đạt	7.73	Đạt	120:38:01
33	8	TRẦN HÙNG ANH	Chưa đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	6.91	Chưa đạt	3.04	Chưa đạt	0.88	Chưa đạt	118:43:04
34	24	PHẠM BÁ ĐOÀN	Chưa đạt	8.8	Đạt	7.48	Đạt	9.16	Đạt	7.51	Đạt	7.48	Đạt	7.26	Đạt	1.68	Chưa đạt	117:05:25
35	33	NGUYỄN THỊ DUYỀN	Chưa đạt	8.09	Đạt	8.23	Đạt	8.61	Đạt	7.88	Đạt	7.26	Đạt	7.18	Đạt	0.05	Chưa đạt	115:11:30
36	52	LƯƠNG THẾ KÝ	Chưa đạt	10	Đạt	7.67	Đạt	7.8	Đạt	7.27	Đạt	8.17	Đạt	2.46	Chưa đạt	7	Đạt	113:19:57
37	97	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Chưa đạt	7.53	Đạt	9.59	Đạt	8.58	Đạt	8.87	Đạt	8.11	Đạt	1.68	Chưa đạt	0	Chưa đạt	112:41:39
38	106	NGUYỄN PHÚ MINH TỬ	Chưa đạt	9.29	Đạt	7.34	Đạt	7.93	Đạt	7.4	Đạt	7.03	Đạt	7.37	Đạt	0	Chưa đạt	112:34:50
39	9	TRINH VIỆT ANH	Chưa đạt	8.08	Đạt	7.22	Đạt	7.45	Đạt	7.37	Đạt	7.27	Đạt	7.48	Đạt	3.3	Chưa đạt	111:33:08
40	60	LÊ HƯƠNG LY	Chưa đạt	7.37	Đạt	7.52	Đạt	7.53	Đạt	7.26	Đạt	7.01	Đạt	6.82	Chưa đạt	8.65	Đạt	110:42:25
41	68	KIỀU DUY NAM	Chưa đạt	7.07	Đạt	7	Đạt	8.24	Đạt	7.32	Đạt	7	Chưa đạt	7.12	Đạt	8.55	Đạt	110:38:52
42	117	NGUYỄN TUẤN VŨ	Chưa đạt	7.54	Đạt	7.25	Đạt	8.78	Đạt	7.22	Đạt	7.02	Đạt	7.04	Đạt	3.1	Chưa đạt	110:21:53
43	87	NGUYỄN XUÂN SANG	Chưa đạt	7.1	Đạt	7.26	Đạt	7.11	Đạt	7.15	Đạt	6.17	Chưa đạt	9.2	Đạt	7.15	Đạt	110:02:17
44	10	TRINH VIỆT ANH	Chưa đạt	8	Đạt	7.04	Đạt	7.81	Đạt	7.14	Đạt	7.06	Đạt	6.9	Chưa đạt	6.13	Chưa đạt	109:56:21
45	71	TRẦN HỮU NAM	Chưa đạt	8.33	Đạt	7.34	Đạt	7.71	Đạt	7.18	Đạt	7.05	Đạt	6.9	Chưa đạt	2.93	Chưa đạt	109:45:46
46	13	NGUYỄN VĂN BÌNH	Chưa đạt	9.13	Đạt	7.18	Đạt	7.22	Đạt	7.03	Đạt	7.37	Đạt	6.05	Chưa đạt	2.78	Chưa đạt	109:45:17
47	89	NGUYỄN VĂN TÂN	Chưa đạt	8.21	Đạt	7.44	Đạt	7.49	Đạt	7.08	Đạt	7	Đạt	7.36	Đạt	1.95	Chưa đạt	109:39:44
48	48	NGUYỄN NGỌC HUY	Chưa đạt	7.24	Đạt	7.51	Đạt	9.04	Đạt	7.1	Đạt	7.02	Đạt	7.03	Đạt	0.93	Chưa đạt	109:33:48
49	20	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Chưa đạt	7.31	Đạt	7.29	Đạt	7.96	Đạt	7.04	Đạt	7.01	Đạt	7.09	Đạt	5.18	Chưa đạt	109:17:03
50	109	LÊ VĂN TUẤN	Chưa đạt	7.05	Đạt	7	Đạt	7.89	Đạt	7.06	Đạt	8.22	Đạt	6.11	Chưa đạt	2.38	Chưa đạt	109:05:11
51	41	NGUYỄN VĂN HIẾU	Chưa đạt	7.91	Đạt	7.15	Đạt	7.01	Đạt	7.35	Đạt	7.05	Đạt	7.04	Đạt	3.58	Chưa đạt	108:25:48
52	36	LÊ THÀNH HIẾP	Chưa đạt	10	Đạt	9.19	Đạt	9.69	Đạt	8.36	Đạt	6.55	Chưa đạt	0.88	Chưa đạt	1.63	Chưa đạt	108:04:46
53	15	NGUYỄN CHÍ CÔNG	Chưa đạt	7.01	Đạt	7.02	Đạt	7.02	Đạt	7.04	Đạt	7.11	Đạt	7.14	Đạt	3.03	Chưa đạt	105:47:41
54	99	LÊ KHẮC THỊNH	Chưa đạt	8.22	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.15	Đạt	7.03	Đạt	3.64	Chưa đạt	7.23	Đạt	105:47:14
55	4	NGUYỄN VĂN AN	Chưa đạt	8.69	Đạt	7.32	Đạt	7.6	Đạt	7.08	Đạt	7.05	Đạt	3.66	Chưa đạt	9.08	Đạt	104:42:15
56	65	NGUYỄN ANH MINH	Chưa đạt	7.02	Đạt	7.05	Đạt	7	Đạt	7.18	Đạt	7.03	Đạt	6.85	Chưa đạt	0	Chưa đạt	103:55:50
57	104	NGUYỄN TIẾN TRUNG	Chưa đạt	7.41	Đạt	7.12	Đạt	7.84	Đạt	7.13	Đạt	7.16	Đạt	4.12	Chưa đạt	7.03	Đạt	102:44:32

STT	STT	Tên	Trạng thái đạt	Tiến độ chương trình đào tạo													Thời gian đã học	
				[2025] Bảng điểm B số sàn														
				Đạo đức, VHGT, PCCC		Kỹ thuật lái xe		Cấu tạo sửa chữa		Pháp luật GTĐB					Mô phỏng			Thời gian đạt
Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	PL1 - Luật trật tự, ATGT		PL2 - Biển báo		PL3 - Xử lý THGT		Điểm	Trạng thái đạt					
								Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái					
58	77	DƯƠNG KIM PHONG	Chưa đạt	7.12	Đạt	7.01	Đạt	7.07	Đạt	7.02	Đạt	7.2	Đạt	5.85	Chưa đạt	0.05	Chưa đạt	102:02:37
59	27	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	Chưa đạt	7.61	Đạt	7.1	Đạt	7.75	Đạt	7	Đạt	5.4	Chưa đạt	7.13	Đạt	3.05	Chưa đạt	101:30:50
60	67	VŨ LÊ TRÂM Y	Chưa đạt	7.96	Đạt	8.1	Đạt	7.79	Đạt	7.07	Đạt	7.14	Đạt	2.63	Chưa đạt	2.6	Chưa đạt	101:04:12
61	100	PHẠM NGỌC THỌ	Chưa đạt	8	Đạt	7.08	Đạt	8.33	Đạt	7.1	Đạt	7.2	Đạt	1.88	Chưa đạt	0	Chưa đạt	100:48:40
62	34	MAI XUÂN HÀ	Chưa đạt	7.87	Đạt	7.96	Đạt	9.2	Đạt	8.1	Đạt	5.91	Chưa đạt	2.08	Chưa đạt	4.33	Chưa đạt	100:32:32
63	56	NGUYỄN THÀNH LỘC	Chưa đạt	7.2	Đạt	7.02	Đạt	7.86	Đạt	7.06	Đạt	7	Đạt	3.54	Chưa đạt	8.05	Đạt	100:23:13
64	46	NGUYỄN NAM HƯNG	Chưa đạt	8.76	Đạt	7.49	Đạt	9.16	Đạt	6.01	Chưa đạt	4.13	Chưa đạt	7.01	Đạt	0.03	Chưa đạt	99:31:01
65	83	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	Chưa đạt	7.68	Đạt	7.55	Đạt	8.89	Đạt	7.08	Đạt	3.24	Chưa đạt	7.31	Đạt	7.23	Đạt	99:29:59
66	96	NGUYỄN THANH THẢO	Chưa đạt	7.01	Đạt	7.05	Đạt	7.11	Đạt	7.1	Đạt	7.09	Đạt	3.35	Chưa đạt	7.33	Đạt	98:24:36
67	94	NGUYỄN MINH THÀNH	Chưa đạt	8.77	Đạt	7.46	Đạt	8.33	Đạt	7.16	Đạt	7.13	Đạt	1.39	Chưa đạt	0	Chưa đạt	98:22:49
68	12	BÙI SONG BÁCH	Chưa đạt	7.28	Đạt	7.46	Đạt	7.08	Đạt	7.2	Đạt	7	Đạt	4	Chưa đạt	0	Chưa đạt	98:14:26
69	55	PHẠM ĐIỀU LINH	Chưa đạt	8.5	Đạt	7.04	Đạt	7.18	Đạt	7.12	Đạt	7.11	Đạt	2.92	Chưa đạt	0.58	Chưa đạt	97:51:38
70	49	PHÙNG QUANG HUY	Chưa đạt	7.33	Đạt	7.1	Đạt	8.44	Đạt	7	Đạt	7.11	Đạt	2.36	Chưa đạt	0.35	Chưa đạt	97:43:04
71	93	VŨ VĂN THANH	Chưa đạt	9.08	Đạt	7.43	Đạt	8.33	Đạt	9.14	Đạt	5.1	Chưa đạt	1.61	Chưa đạt	1.58	Chưa đạt	97:12:29
72	70	TRẦN HOÀI NAM	Chưa đạt	7.03	Đạt	7.04	Đạt	8.33	Đạt	6.7	Chưa đạt	5.03	Chưa đạt	1.54	Chưa đạt	0.93	Chưa đạt	96:22:22
73	78	HOÀNG VĂN PHONG	Chưa đạt	8.7	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.04	Đạt	7.02	Đạt	2.52	Chưa đạt	0	Chưa đạt	96:14:00
74	101	CAO HẠNH ĐỨC TOÀN	Chưa đạt	7.05	Đạt	7	Đạt	7.46	Đạt	7.14	Đạt	7.03	Đạt	3.45	Chưa đạt	0.03	Chưa đạt	96:07:43
75	17	NGUYỄN CAO CƯỜNG	Chưa đạt	7.13	Đạt	7.17	Đạt	7.01	Đạt	8.46	Đạt	7.09	Đạt	1.77	Chưa đạt	2.25	Chưa đạt	96:01:00
76	58	TRỊNH BẢO LONG	Chưa đạt	7.09	Đạt	7.31	Đạt	7.77	Đạt	7.21	Đạt	7	Đạt	1.59	Chưa đạt	7.75	Đạt	95:53:06
77	28	NGUYỄN TRUNG DŨNG	Chưa đạt	8.83	Đạt	7.46	Đạt	9.14	Đạt	7.05	Đạt	5.76	Chưa đạt	0.8	Chưa đạt	1.03	Chưa đạt	95:45:56
78	25	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	Chưa đạt	10	Đạt	7.81	Đạt	9.49	Đạt	7.12	Đạt	4.96	Chưa đạt	1.36	Chưa đạt	0	Chưa đạt	95:27:14
79	76	NGUYỄN HẢI NINH	Chưa đạt	7.77	Đạt	7.45	Đạt	8.33	Đạt	7.93	Đạt	6.58	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	95:19:30
80	80	NGUYỄN MINH PHONG	Chưa đạt	7.98	Đạt	7.4	Đạt	7.03	Đạt	8.04	Chưa đạt	6.77	Chưa đạt	1.08	Chưa đạt	1.43	Chưa đạt	93:57:01
81	32	NGUYỄN VIỆT DUY	Chưa đạt	8	Đạt	7.04	Đạt	8.33	Đạt	7	Đạt	4.94	Chưa đạt	3.54	Chưa đạt	0	Chưa đạt	92:50:06
82	44	VŨ NAM HOÀNG	Chưa đạt	7.28	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.2	Đạt	7	Đạt	1.72	Chưa đạt	0	Chưa đạt	92:39:07
83	82	PHẠM XUÂN PHONG	Chưa đạt	8.5	Đạt	7.39	Đạt	8.39	Đạt	7	Đạt	3.97	Chưa đạt	2.37	Chưa đạt	7.03	Đạt	92:28:36
84	92	NGUYỄN CỬU THÁI	Chưa đạt	8	Đạt	7.03	Đạt	8.33	Đạt	7.19	Đạt	6.49	Chưa đạt	0.8	Chưa đạt	0.05	Chưa đạt	92:27:16
85	113	NGÔ ÁNH TUYẾT	Chưa đạt	8.5	Đạt	7	Đạt	8.51	Đạt	7.02	Đạt	4.27	Chưa đạt	1.2	Chưa đạt	0	Chưa đạt	92:00:19
86	86	LÊ MINH QUANG	Chưa đạt	8.68	Đạt	7.49	Đạt	8.54	Đạt	8.05	Đạt	5.3	Chưa đạt	0.8	Chưa đạt	0	Chưa đạt	91:01:39
87	1	LÊ QUÝ TRỌNG	Chưa đạt	7.63	Đạt	7.43	Đạt	8.33	Đạt	8.53	Đạt	5.22	Chưa đạt	0.8	Chưa đạt	0	Chưa đạt	90:06:49
88	108	LÊ ANH TUẤN	Chưa đạt	8.52	Đạt	7.25	Đạt	7.04	Đạt	7.04	Đạt	6.26	Chưa đạt	1.2	Chưa đạt	0.13	Chưa đạt	89:54:01
89	51	VŨ GIA KHÁNH	Chưa đạt	9.5	Đạt	7	Đạt	8	Đạt	8.42	Đạt	4.37	Chưa đạt	1.2	Chưa đạt	0	Chưa đạt	89:11:33
90	16	LÊ HUY CƯỜNG	Chưa đạt	8.69	Đạt	7.44	Đạt	7.47	Đạt	7.08	Đạt	5.45	Chưa đạt	0.8	Chưa đạt	0	Chưa đạt	87:12:08
91	22	TRỊNH XUÂN TUẤN ĐẠT	Chưa đạt	7.14	Đạt	7	Đạt	7.95	Đạt	7.02	Chưa đạt	5.86	Chưa đạt	0.8	Chưa đạt	0	Chưa đạt	85:44:08
92	21	THẦN TIẾN ĐẠT	Chưa đạt	7.52	Đạt	7.03	Đạt	7.05	Đạt	7.33	Đạt	5.75	Chưa đạt	0.8	Chưa đạt	0	Chưa đạt	85:34:14
93	2	LÊ TRUNG HIẾU	Chưa đạt	8	Đạt	7	Đạt	7.32	Đạt	7.17	Đạt	5.36	Chưa đạt	1.12	Chưa đạt	0.08	Chưa đạt	85:23:18
94	3	ĐÀM HỒNG PHÚ	Chưa đạt	8.5	Đạt	7	Đạt	7.24	Đạt	7.01	Đạt	4.64	Chưa đạt	1.2	Chưa đạt	2.95	Chưa đạt	84:49:59
95	91	DƯƠNG NGỌC THÁI	Chưa đạt	8.11	Đạt	7.8	Đạt	7.52	Đạt	7.3	Đạt	4.36	Chưa đạt	1.22	Chưa đạt	0.2	Chưa đạt	84:11:13
96	73	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Chưa đạt	8.54	Đạt	7.32	Đạt	8.04	Đạt	5.96	Chưa đạt	3.6	Chưa đạt	2.79	Chưa đạt	2.05	Chưa đạt	83:17:27
97	18	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	Chưa đạt	7.22	Đạt	7.49	Đạt	7.02	Đạt	7.05	Đạt	5.21	Chưa đạt	1.02	Chưa đạt	0.03	Chưa đạt	83:03:32
98	62	TÀ QUANG MẠNH	Chưa đạt	8	Đạt	7.08	Đạt	7.09	Đạt	7.04	Đạt	4.46	Chưa đạt	1.56	Chưa đạt	0	Chưa đạt	82:55:36
99	69	PHAN HẢI NAM	Chưa đạt	9.17	Đạt	7.19	Đạt	8.33	Đạt	7.35	Đạt	2.82	Chưa đạt	0.9	Chưa đạt	0	Chưa đạt	82:19:01
100	66	TRẦN NGUYỄN MINH	Chưa đạt	9.03	Đạt	7.02	Đạt	7.28	Đạt	4.16	Chưa đạt	6.28	Chưa đạt	0.43	Chưa đạt	0.23	Chưa đạt	81:52:53
101	103	ĐỖ ĐỨC TRUNG	Chưa đạt	7.03	Đạt	7.34	Đạt	7.23	Đạt	5.68	Chưa đạt	5.93	Chưa đạt	0.33	Chưa đạt	0	Chưa đạt	81:40:09
102	95	PHẠM DUY THÀNH	Chưa đạt	10	Đạt	7.35	Đạt	8.33	Đạt	7.36	Đạt	0.25	Chưa đạt	2.66	Chưa đạt	7.2	Đạt	79:42:04
103	19	ĐẶNG TUẤN ĐẠT	Chưa đạt	8.55	Đạt	7.35	Đạt	7.59	Đạt	5.24	Chưa đạt	3.61	Chưa đạt	0.48	Chưa đạt	3.33	Chưa đạt	77:12:10
104	81	PHẠM HUY PHONG	Chưa đạt	8.74	Đạt	5.16	Chưa đạt	7.14	Đạt	6.87	Chưa đạt	1.1	Chưa đạt	5.38	Chưa đạt	2.1	Chưa đạt	76:30:25
105	43	NGUYỄN VĂN HUY HOÀNG	Chưa đạt	7.95	Đạt	7.62	Đạt	8.14	Đạt	5.29	Chưa đạt	2.75	Chưa đạt	1.33	Chưa đạt	7.15	Đạt	76:11:18
106	42	TRẦN TRUNG HIẾU	Chưa đạt	7.05	Đạt	7.09	Đạt	7.25	Đạt	7.04	Đạt	3.65	Chưa đạt	0.53	Chưa đạt	0	Chưa đạt	75:16:08
107	31	NGUYỄN HỮU KHÁNH DUY	Chưa đạt	8.92	Đạt	7.45	Đạt	7.62	Đạt	6.95	Chưa đạt	2	Chưa đạt	0.8	Chưa đạt	0	Chưa đạt	73:57:19
108	64	ĐỖ NHẬT MINH	Chưa đạt	7	Đạt	7.06	Đạt	7.05	Đạt	7.05	Đạt	3.28	Chưa đạt	0.8	Chưa đạt	0	Chưa đạt	73:34:21
109	59	TRẦN ĐỨC LUYẾN	Chưa đạt	7.38	Đạt	7.49	Đạt	7.14	Đạt	5.64	Chưa đạt	3	Chưa đạt	0.8	Chưa đạt	3.03	Chưa đạt	72:00:25
110	112	HOÀNG VƯƠNG TÙNG	Chưa đạt	7.17	Đạt	7	Đạt	7.23	Đạt	7.15	Đạt	2.56	Chưa đạt	0.4	Chưa đạt	1.03	Chưa đạt	70:53:04
111	6	PHẠM ĐỨC HOÀNG ANH	Chưa đạt	8.68	Đạt	6.5	Chưa đạt	8.33	Đạt	4	Chưa đạt	3	Chưa đạt	0.8	Chưa đạt	0	Chưa đạt	69:36:32
112	115	PHAN SỸ HOÀNG VIỆT	Chưa đạt	8	Đạt	7	Đạt	7.3	Đạt	4.4	Chưa đạt	3	Chưa đạt	0.4	Chưa đạt	0	Chưa đạt	68:28:29
113	39	NGUYỄN MINH HIẾU	Chưa đạt	8.73	Đạt	7.51	Đạt	8.33	Đạt	5.96	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	68:26:05
114	38	NGUYỄN MAI NGỌC HIẾU	Chưa đạt	10	Đạt	10	Đạt	8.33	Đạt	2.86	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0.35	Chưa đạt	66:48:41
115	75	PHẠM TUẤN NHẬT	Chưa đạt	7.06	Đạt	7.08	Đạt	7.02	Đạt	7.08	Đạt	0.09	Chưa đạt	0	Chưa đạt	3.83	Chưa đạt	60:29:38

Nguy hiểm

STT	STT	Tên	Trạng thái đạt	Tiến độ chương trình đào tạo														Thời gian đã học		
				[2025] Bảng điểm B số sàn																
				Đạo đức, VHGT, PCCC		Kỹ thuật lái xe		Cấu tạo sửa chữa		Pháp luật GTĐB				Mô phỏng		Thời gian đạt				
				Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	PL1 - Luật trật tự, ATGT		PL2 - Biển báo		PL3 - Xử lý THGT			Điểm			Trạng thái đạt
						Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái đạt							
116	61	PHAN ĐỨC MẠNH	Chưa đạt	8	Đạt	8.67	Đạt	0.14	Chưa đạt	4	Chưa đạt	3	Chưa đạt	0.8	Chưa đạt	0	Chưa đạt		60:19:24	
117	118	PHẠM ANH VŨ	Chưa đạt	3.02	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt		7:50:41	TRƯỢT
118	37	NGÔ ĐỨC HIẾU	Chưa đạt	2.57	Chưa đạt	0.09	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt	0	Chưa đạt		5:18:20	

Thời điểm tạo: 09:38:26 21-04-2026

Người tạo báo cáo: admin (#30177595)